

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thẩm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm
Ông Nguyễn Thanh Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K - sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ: Số A, đường B, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Anh Phạm Minh G - sinh năm 1973 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số A, đường B, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị K và anh Phạm Minh G chung sống với nhau từ năm 1997, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Hiện chị K và anh G đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị K và anh G có 02 người con chung tên Phạm H, sinh ngày 05/10/1998 và Phạm P, sinh ngày 24/6/2004. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã thành niên, chị K không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị K xác định chị và anh G có số tài sản chung gồm tiền mặt 10.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 03 chỉ. Chị K tự định giá là 12.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Air Blade có giá trị 10.000.000

đồng. Quá trình hòa giải chị K yêu cầu chia đôi tài sản chung. Tại phiên tòa chị K xác định, hiện chị và anh G đã tự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K xác định chị và anh G không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Minh G trình bày:

Về hôn nhân: Anh G và chị K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Nay chị K xin ly hôn với anh G, anh G đồng ý.

Về con chung: Anh G và chị K có 02 người con chung tên Phạm H, sinh ngày 05/10/1998 và Phạm P, sinh ngày 24/6/2004. Khi ly hôn, anh G đồng ý giao cháu P cho chị K nuôi, anh G không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã thành niên, anh G không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung : Anh G xác định vợ chồng có số tài sản chung gồm 10.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 24k, giá 12.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Air Blade. Anh G đồng ý chia đôi tài sản chung.

Về nợ chung: Anh G xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Phạm Minh G xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Nguyễn Thị K xác định chị và anh Phạm Minh G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện anh, chị đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh G. Anh G đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K. Hội đồng xét xử thấy việc chị K yêu cầu xin ly hôn và được anh G đồng ý là ý chí tự nguyện của anh, chị và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K ly hôn với anh G.

[3] Chị K và anh G có 02 người con chung tên Phạm H, sinh ngày 05/10/1998 và Phạm P, sinh ngày 24/6/2004. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G đồng ý giao cháu P cho chị K nuôi. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị K được anh G chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, cần giao cháu P cho chị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã thành niên, chị K và anh G không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Chị K xác định vợ chồng anh, chị đã tự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Chị K, anh G xác định vợ chồng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, cho chị Nguyễn Thị K ly hôn với anh Phạm Minh G.

Về con chung: Giao cháu Phạm P, sinh ngày 24/06/2004 cho chị Nguyễn Thị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Minh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Minh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Minh G xác định không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 21/02/2020, chị K có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001462 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thẩm

